

Máy trục vít thẳng ZLS

Mã sản phẩm**ZLS-75**

Liên hệ

Xem thêm các tin liên quan về máy nén khí trục vít thông thường, máy nén khí

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

CÔNG TY TNHH TM DV XNK JAGUAR

Địa chỉ: C7/13B34 Đường Phạm Hùng, Bình Hưng, Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0918 943 245

Email:hoangdung@jaguar.info.vn

Website : www.jaguar.info.vn

技术参数表

型　号		Mpa	ZLS05A	ZLS07A	ZLS09A	ZLS10A	ZLS15A	ZLS20A	ZLS30A	ZLS40A	ZLS50A
最高排气量/排气压力 m^3/min		0.7	0.72	1.13	1.26	1.46	1.92	2.64	3.96	5.23	6.81
		0.8	0.63	0.92	1.08	1.26	1.82	2.42	3.72	5.02	6.52
冷却方式		风　冷									
排气温度		℃	风冷 < 环境温度 +8℃								
噪音		dB(A)	61±2	62±2	64±2	64±2	64±2	64±2	64±2	64±2	64±2
电机	功率	kW/HP	4/5	5.5/7.5	7.5/9	7.5/10	11/15	15/20	22/30	30/40	37/50
	启动方式	直接启动						Y-△启动			
	传动方式	同轴直联									
	电源	380V / 50Hz									
外形尺寸	长	mm	900	900	900	900	950	1200	1350	1400	1500
	宽	mm	400	400	400	400	750	800	850	850	900
	高	mm	1150	1150	1150	1150	1120	1160	1200	1350	1350
重量		kg	200	210	210	220	300	360	400	550	650
排气口管径		inch	3/4"	3/4"	3/4"	3/4"	1"	1"	1-1/4"	1-1/4"	1-1/2"

Máy nén khí trục vít đồng trục Jaguar không đồng bộ ZLS-A
ZLS-05 A ~ 50 (~ 37Kw 4kW)



JAGUAR 独特设计

Cấu trúc hoàn toàn mới: Áp dụng cấu trúc dọc đình chỉ không mang,Thiết kế độc đáo của Jaguar ,Tích hợp động cơ tích hợp cấu trúc,Giảm các thành phần truyền dẫn,Kích thước của máy trục vít giảm đáng kể.Đồng thời, hiệu suất của máy trục vít được cải thiện.

Hiệu quả cao hơn:Động cơ tích hợp cấu trúc, ổ đĩa trực tiếp giữa động cơ và đầu vít,Tổn thất truyền dẫn gần bằng không,Hiệu suất tổng thể của máy trục vít được tăng ít nhất 5%.
Yên tĩnh hơn: Giảm các bộ phận truyền động của mặt bích ghép nối,Tiếng ồn của truyền dẫn cơ học giảm đáng kể.So với máy nén khí trục vít thông thường,Giảm tiếng ồn 10%.



Hiệu suất máy tổng thể tốt hơn

Máy nén khí Jaguar,Tôn trọng truyền thống thủ công tuyệt vời,Toàn bộ máy được tạo thành từ các bộ phận phụ tùng tuyệt vời.Đặc biệt cho từng chi tiết,Kết nối đường ống được thiết kế đặc biệt,Cũng như các nhân viên lắp ráp chuyên nghiệp để kiểm soát các chi tiết,Đó là kinh nghiệm phong phú được tích lũy bởi máy nén khí Jaguar trong nhiều năm.Máy vặn vít mới được thiết kế,Nhà ở vít tối ưu hóa hơn,Có thể giúp bạn tiết kiệm không gian lắp đặt đông đúc .Đồng thời, một giải pháp làm mát tủ hiệu quả hơn,Có thể kiểm soát nhiệt độ hoạt động của toàn bộ vít máy tốt.Một cuộc sống phục vụ ổn định và lâu dài đạt được.

Bảng thông số kỹ thuật
Technical Data Sheet
技术数据表

Kiểu máy Model 模型 / Quy cách Model 规范	Mpa	ZLS10	ZLS15	ZLS20	ZLS30	ZLS40
Áp suất khí đầu ra Max air displacement/ discharge pressure 最大排气量/排放压力	0.7	1.4	1.9	2.6	3.95	5.2
	0.8	1.25	1.8	2.4	3.75	5
	1	1.05	1.5	2.1	3.3	4.6
	1.25	0.85	1.2	1.8	2.9	4.2
Nhiệt độ Discharge Temperature 放电温度	℃	nhiệt độ môi trường + 10℃, máy giải nhiệt nước < 40℃ Environmental temperature + 10℃, water cooling < 40℃				
Lượng dầu bôi trơn Volume of lubricating Oil 润滑油量	L	10	10	10	11	13
Độ ồn - Noise - 噪声	dB(A)	66	66	68	70	70
Công suất - Power -功率	KW/HP	7.5/10	11/15	15/20	22/30	30/40
Điện áp - Voltage - 电压	V	220V, 380V, 415V,440V,460V				
Tần số - Frequency - 频率	Hz	50HZ,60HZ				
Dài - Length - 长度	mm	1000	1200	1200	1350	1400
Rộng - Width -宽度	mm	700	800	800	850	850
Cao - Height -高度	mm	1140	1160	1160	1200	1350
Nặng - Weight -重量	Kg	300	390	390	445	590

Kiểu máy Model 模型 / Quy cách Model 规范	Mpa	ZLS50	ZLS60	ZLS75	ZLS100	ZLS125
Áp suất khí đầu ra Max air displacement/ discharge pressure 最大排气量/排放压力	0.7	6.5	8	10.5	14.1	16
	0.8	6.2	7.5	9.8	12.8	15
	1	5.7	7	8.6	11.6	13.6
	1.25	5.2	6	7.6	10	12.2
Nhiệt độ Discharge Temperature 放电温度	℃	nhiệt độ môi trường + 10℃, máy giải nhiệt nước < 40℃ Environmental temperature + 10℃, water cooling < 40℃				
Lượng dầu bôi trơn Volume of lubricating Oil 润滑油量	L	18	25	25	60	60
Độ ồn Noise	dB(A)	72	73	73	75	75
Công suất Power	KW/HP	37/50	45/60	55/75	75/100	90/125
Điện áp Voltage	V	220V, 380V, 415V,440V,460V				
Tần số Frequency	Hz	50HZ,60HZ				
Dài Length	mm	1500	1550	1700	1850	2050
Rộng Width	mm	900	1000	1150	1250	1300
Cao Height	mm	1350	1480	1530	1500	1700
Nặng Weight	Kg	700	880	1080	1410	1580

Kiểu máy Model 模型 / Quy cách Model 规范 / Nhiệt độ Discharge Temperature 放电温度	Mpa	ZLS150	ZLS175	ZLS200	ZLS350	ZLS400
Áp suất khí đầu ra Max air displacement/ discharge pressure 最大排气量/排放压力		20.5	24.1	28.3	43.8	52
		19	22.9	27	41.4	48
		17.2	20.5	24.5	37.8	43
		14.8	16.8	20.5	33	39
		nhiệt độ môi trường + 10℃, máy giải nhiệt nước < 40℃ Environmental temperature + 10℃, water cooling < 40℃				
Lượng dầu bôi trơn Volume of lubricating Oil 润滑油量	L	70	94	94	185	185
Độ ồn Noise	dB(A)	77	77	79	80	80
Công suất Power	KW/HP	110/150	132/175	160/200	250/350	315/400
Điện áp Voltage	V	220V, 380V, 415V,440V,460V				
Tần số Frequency	HZ	50HZ,60HZ				
Dài Length	mm	2750	2750	2750	3800	3800
Rộng Width	mm	1760	1760	1760	2300	2050
Cao Height	mm	1850	1850	1850	2005	2205
Nặng Weight	kg	2560	2560	2890	4610	6000

Tìm kiếm máy nén khí: máy nén jaguar, máy nén khí piston, máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter, máy sấy khô, bình tích khí

Sản phẩm khác



Máy nén khí kết nối trực tiếp không đồng bồ ZLS 50A

Giá bán: Liên hệ



[Máy nén khí ổ đĩa cứng EAS]

Giá bán: Liên hệ



[Máy nén khí áp thấp DI]

Giá bán: Liên hệ